

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VĨNH YÊN  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-ST  
Ngày 12 tháng 6 năm 2024  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đường.

*Các Hội thẩm Nhân dân:* Ông Nguyễn Tiến Thịnh và ông Lê Bá Tạo

*Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nghiêm Thị C, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn Đại Nội, xã Bình Định, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

*Bị đơn:* Anh Phùng Quang T, sinh năm 1983;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Nam, xã Thanh Trù, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi ở hiện nay: Thôn Viên Du, xã Thanh Vân, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2023 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Nghiêm Thị C trình bày: Bà có quen biết anh Phùng Quang T, ngày 19/01/2023, anh T hỏi vay của bà 5.000.000 đồng để mua quần áo cho con, bà đồng ý cho anh T vay số tiền trên. Bà đã nhờ anh Hoàng Văn L (là con rể kết hôn với con gái bà là chị Nguyễn Thị H) chuyển khoản vào tài khoản của anh T số tiền 5.000.000 đồng do bà không biết chuyển khoản trên điện thoại. Anh L, chị H chết tháng 8 năm 2023 do bị tai nạn giao thông. Sau khi vay, anh T hẹn đến ngày 26/01/2023 sẽ trả cho bà số tiền trên. Đến hẹn, bà đã gọi điện nhiều lần và trực tiếp đến gặp anh T để đòi số tiền trên nhưng anh T không trả. Đến tháng

7 năm 2023, anh T trả cho bà số tiền 1.000.000đồng. Nay bà đề nghị anh T phải trả cho bà số tiền 4.000.000đồng và không yêu cầu trả tiền lãi. Về lãi suất chậm trả tại phiên toà bà C đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Bị đơn:* Anh Phùng Quang T trình bày: Anh có quen biết bà Nghiêm Thị C do anh là lái xe taxi. Ngày 19/01/2023, anh có vay của bà C số tiền 5.000.000đồng thông qua chuyển khoản từ tài khoản không phải của bà C. Hai bên không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ. Sau khi vay một thời gian, anh đã trả cho bà C số tiền 1.000.000đồng. Nay bà C yêu cầu anh phải trả số tiền 4.000.000đồng, anh đồng ý nhưng xin được trả dần. Tuy nhiên bà C còn nợ tiền xe taxi của anh là 2.000.000đ, anh yêu cầu bà C phải trả cho anh số tiền trên thì anh sẽ trả tiền cho bà C. Quá trình giải quyết vụ án anh T không có đơn phản tố và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì về việc bà C nợ số tiền 2.000.000đ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 468; Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nghiêm Thị C.
2. Buộc anh Phùng Quang T phải trả cho bà Nghiêm Thị C 4.000.000đ tiền gốc; về lãi suất chậm trả bị đơn phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật trên số tiền gốc phải trả. Về án phí bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền đã vay. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn Nam, xã Thanh Trù, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh T hiện nay đang ở tại thôn Viên Du, xã Thanh Vân, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc nhưng anh T chưa đăng ký tạm trú tại thôn Viên Du, xã Thanh Vân, huyện Tam Dương. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thẩm quyền thuộc về Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Ngày 19/01/2023, bà Nghiêm Thị C cho anh Phùng Quang T vay 5.000.000đ (hình thức chuyển khoản). Bị đơn anh T xác nhận có vay của bà C số tiền là 5.000.000đ, hai bên không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả, đến tháng 7 năm 2023, anh T đã trả

cho bà C được 1.000.000đ tiền gốc. Tại phiên tòa anh T đồng ý trả tiền cho bà C nhưng xin trả dần. Ngoài ra anh T còn trình bày về việc bà C còn nợ tiền xe taxi của anh là 2.000.000đ. Quá trình giải quyết anh T không có đơn phản tố và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì về việc bà C nợ số tiền 2.000.000đ. Do đó lời khai của anh T không có cơ sở không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về đề nghị của anh T xin trả dần tại phiên tòa bà C không đồng ý.

Về số tiền bà C cho anh T vay được xác định là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về việc thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn. Nội dung điều luật:

*“1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ L nào, nhưng phải báo trước cho nhau biết trước một thời gian hợp lý...”*

Về lãi suất: Bà C không yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về lãi suất chậm trả tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật trên số tiền gốc bị đơn phải trả. Yêu cầu về lãi suất trên của nguyên đơn phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 01 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ các phân tích và nhận định như trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nghiêm Thị C buộc anh Phùng Quang T phải trả cho bà Nghiêm Thị C số tiền gốc là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa được Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nghiêm Thị C.

1. Buộc anh Phùng Quang T phải trả cho bà Nghiêm Thị C số tiền gốc là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả của số tiền phải thi hành án là 10%/năm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi một số điều của Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phùng Quang T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Trả lại cho bà Nghiêm Thị C số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005738 ngày 25/1/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân TP Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS TP Vĩnh Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Đường**





